

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Trình độ đào tạo: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 261/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: Hanoi Architectural University (viết tắt là HAU).

1.2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KTA

1.3. Địa chỉ các trụ sở

- Trụ sở chính: Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Cơ sở Vĩnh Phúc thuộc Trường: Số 24 Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- Trang thông tin điện tử của Trường: <http://hau.edu.vn>
- Trang thông tin tuyển sinh của Trường: <http://tuyensinh.hau.edu.vn>

1.5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

Tel: 024 3 854 2391; Hotline: 098 261 9900

1.6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh

https://hau.edu.vn/dai-hoc_c0801/ ; <https://tuyensinh.hau.edu.vn/>

1.7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

https://hau.edu.vn/ba-cong-khai_c0203//

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a) Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật được dự tuyển vào các ngành thuộc nhóm ngành của ngành nghề đã tốt nghiệp trung cấp.

b) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản a Mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại khoản c Mục 2.5 của Thông tin tuyển sinh này;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c) Thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào các ngành năng khiếu có tổ hợp thi/xét tuyển V00, V01, V02, H00 và H02 phải tham dự kỳ thi năng khiếu năm 2025 do Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức và có điểm năng khiếu đáp ứng điều kiện điểm tối thiểu quy định tại khoản c Mục 2.5 của Thông tin tuyển sinh này.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

a) Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Áp dụng đối với tất cả các nhóm ngành, ngành, chuyên ngành đào tạo đại trà không có môn thi năng khiếu trong tổ hợp môn xét tuyển.

b) Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu năm 2025

Áp dụng đối với các ngành/chuyên ngành năng khiếu có tổ hợp xét tuyển V00, V01, V02, H00, H02; kết hợp điểm môn thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức năm 2025.

c) Phương thức 3: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc THPT (học bạ)

- Xét tuyển kết quả học tập (học bạ) của các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng trong 6 học kỳ của bậc THPT đối với các ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật cấp thoát nước; Kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kỹ thuật môi trường đô thị; Công nghệ cơ điện công trình; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Quản lý dự án xây dựng; Xây dựng công trình ngầm đô thị; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.

- Áp dụng xét tuyển học bạ chung cho cả thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025.

- Kết quả tổ hợp điểm học bạ cao nhất do thí sinh chọn, đăng ký sẽ được Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội quy đổi tương đương, nhập lên hệ thống xét tuyển chung, xét cùng một thang điểm với kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT.

d) Phương thức 4: Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển

**** Xét tuyển thẳng:***

Xét tuyển thẳng các trường hợp theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, áp dụng với tất cả các nhóm ngành, ngành, chuyên ngành. Đối với các nhóm ngành, ngành, chuyên ngành có môn thi năng khiếu, để được xét tuyển thẳng, thí sinh phải có điểm thi năng khiếu đạt điều kiện điểm tối thiểu.

**** Ưu tiên xét tuyển:***

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng, đăng ký và nộp hồ sơ ưu tiên xét tuyển sẽ được xét cộng điểm ưu tiên xét tuyển không quá 2,0 điểm vào tổ hợp môn xét tuyển theo thang 30 điểm, nhưng không vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm.

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển) được xét cộng điểm ưu tiên xét tuyển không quá 1,5 điểm vào tổ hợp môn xét tuyển theo thang 30 điểm, nhưng không vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định đạt điểm IELTS từ 6.0 và điểm các chứng chỉ tương đương trong bảng sau, đăng ký xét tuyển Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc của Trường sẽ được xét cộng điểm ưu tiên xét tuyển vào tổ hợp môn xét tuyển, nhưng không vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm.

Mức điểm ưu tiên xét tuyển vào Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc:

TT	Điểm chứng chỉ IELTS	Điểm chứng chỉ TOEIC	Điểm chứng chỉ TOEFL ITP	Điểm chứng chỉ TOEFL iBT	Điểm ưu tiên xét tuyển
1	6.0	785 - 825	500 - 540	60 - 78	0.6
2	6.5	830 - 885	541 - 583	79 - 93	0.8
3	7.0	890 - 940	584 - 626	94 - 101	1.0
4	Từ 7.5 trở lên	Từ 945 trở lên	Từ 627 trở lên	Từ 102 trở lên	1.2

e) Phương thức khác:

Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn trực tiếp theo quy định của Trường đối tác áp dụng với các chương trình liên kết quốc tế.

2.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT và được Nhà trường thông báo cụ thể trên Cổng thông tin điện tử: https://hau.edu.vn/dai-hoc_c0801/ và <https://tuyensinh.hau.edu.vn/> trước khi nhập điểm lên hệ thống.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Chi tiêu (Dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ chuyên ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/chuyên ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành			
1	KTA01	7580101	Nhóm ngành 1	Kiến trúc	75801	Kiến trúc và quy hoạch	7580101	600	- Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Các tổ hợp xét tuyển: V00: Toán; Vật lý; Vẽ mỹ thuật; V01: Toán; Ngữ văn; Vẽ mỹ thuật; V02: Toán; Anh văn; Vẽ mỹ thuật; (Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2.0). - Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	TS thuộc diện xét tuyển thẳng phải đạt điểm tối thiểu môn thi năng khiếu (Vẽ mỹ thuật).
2		7580105		Quy hoạch vùng và đô thị			7580105			
3		7580105_1		Thiết kế đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Quy hoạch vùng và đô thị)			7580105_1			
4	KTA02	7580102	Nhóm ngành 2	Kiến trúc cảnh quan	75801	Kiến trúc và quy hoạch	7580102	180		
5		7580101_1		Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc			7580101_1			
6	KTA03	7210404	Nhóm ngành 3	Thiết kế thời trang	72104	Mỹ thuật ứng dụng	7210404	140	- Kết hợp quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Các tổ hợp xét tuyển: H00: Ngữ văn; Hình họa mỹ thuật; Bồi cực trang trí màu; H02: Toán; Hình họa mỹ thuật; Bồi cực trang trí màu. - Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	TS thuộc diện xét tuyển thẳng phải đạt điểm tối thiểu các môn năng khiếu (Hình họa mỹ thuật, Bồi cực trang trí màu).
7		7210105		Điều khắc	72101	Mỹ thuật	7210105			
8		7210105_1		Mỹ thuật đồ thị (Chuyên ngành thuộc ngành Điều khắc)			7210105_1			

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Chi tiêu (Dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ chuyên ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/chuyên ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành			
9	KTA04	7580213	Nhóm ngành 4	Kỹ thuật cấp thoát nước	75802	Xây dựng	7580213	280	- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán; Vật lý; Hóa học; C01: Toán; Ngữ văn; Vật lý; C02: Toán; Ngữ văn; Hóa học; D01: Toán; Ngữ văn; Anh văn; THM: Toán; Ngữ văn; Công nghệ;	
10		7580210		Kỹ thuật hạ tầng đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)			7580210			
11		7580210_1		Kỹ thuật môi trường đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)			7580210_1			
12		7580210_2		Công nghệ cơ điện công trình (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)			7580210_2			
13		7580205		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông			7580205			
14		7210403		Thiết kế đồ họa	72104	Mỹ thuật ứng dụng	7210403	180	- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Các tổ hợp xét tuyển: H00: Ngữ văn; Hình họa mỹ thuật; Bồi dưỡng trang trí màu; H02: Toán; Hình họa mỹ thuật; Bồi dưỡng trang trí màu. - Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	TS thuộc diện xét tuyển thẳng phải đạt điểm tối thiểu các môn năng khiếu (Hình họa mỹ thuật, Bồi dưỡng trang trí màu).
15		7210403_1		Nghệ thuật số (Chuyên ngành thuộc Thiết kế đồ họa)			7210403_1	50		
16		7580108		Thiết kế nội thất	75801	Kiến trúc và quy hoạch	7580108	320		

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Chi tiêu (Dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ chuyên ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/chuyên ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành			
17		7580201		Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng)	75802	Xây dựng	7580201	200	- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán; Vật lý; Hóa học; C01: Toán; Ngữ văn; Vật lý; C02: Toán; Ngữ văn; Hóa học; D01: Toán; Ngữ văn; Anh văn; THM: Toán; Ngữ văn; Công nghệ;	
18		7580201_1		Xây dựng công trình ngầm đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng)			7580201_1	50		
19		7580201_2		Quản lý dự án xây dựng (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng)			7580201_2	250		
20		7510105		Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	75101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	7510105	50	- Xét kết quả học tập THPT (học ba 06 học kỳ bậc THPT). Các tổ hợp xét tuyển: A00, C01, C02, D01, THM - Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
21		7580301		Kinh tế Xây dựng	75803	Quản lý xây dựng	7580301	170	- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán; Vật lý; Hóa học; C01: Toán; Ngữ văn; Vật lý; C02: Toán; Ngữ văn; Hóa học; D01: Toán; Ngữ văn; Anh văn; THM: Toán; Ngữ văn; Công nghệ;	
22		7580302		Quản lý xây dựng			7580302	160		
23		7580302_1		Quản lý bất động sản (Chuyên ngành thuộc ngành Quản lý xây dựng)			7580302_1	60		
24		7580302_2		Quản lý vận tải và Logistics (Chuyên ngành thuộc ngành Quản lý xây dựng)			7580302_2	60		

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Chi tiêu (Dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ chuyên ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/chuyên ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành			
25		7480201		Công nghệ thông tin	74802	Công nghệ thông tin	7480201	200	- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán; Vật lý; Hóa học; C01: Toán; Ngữ văn; Vật lý; D01: Toán; Ngữ văn; Anh văn; THM: Toán; Ngữ văn; Công nghệ; THM2: Toán; Ngữ văn; Tin học; - Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
26		7480201_1		Công nghệ đa phương tiện (Chuyên ngành của ngành Công nghệ thông tin)			7480201_1	100		
27		7480201_2		Công nghệ game (Chuyên ngành thuộc ngành Công nghệ thông tin)			7480201_2	50		
28		7310104		Kinh tế đầu tư	73101	Kinh tế học	7310104	50	- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán; Vật lý; Hóa học; C01: Toán; Ngữ văn; Vật lý; C02: Toán; Ngữ văn; Hóa học; D01: Toán; Ngữ văn; Anh văn; THM: Toán; Ngữ văn; Công nghệ; - Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
29		7310105		Kinh tế phát triển			7310105	50		

2.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a) Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển bằng tổng điểm 3 môn của tổ hợp đăng ký xét tuyển (hoặc trung bình cộng 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả học tập bậc THPT) cộng với điểm ưu tiên, điểm ưu tiên xét tuyển (nếu có).

b) Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chuyên ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào nhóm ngành, ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

- Đối với các ngành/nhóm ngành có nhiều hơn một tổ hợp xét tuyển, thì các tổ hợp xét tuyển được xét bình đẳng khi xác định điểm trúng tuyển.

c) Ngưỡng đầu vào

* Đối với các tổ hợp xét tuyển có sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Nhà trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://www.hau.edu.vn> và trên trang thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hau.edu.vn> trước xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

* Đối với các tổ hợp xét tuyển của phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập của 06 học kỳ đầu tiên bậc THPT, để được ĐKXT, thí sinh phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Tổng điểm trung bình cộng 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (ĐTBmôn 1 + ĐTBmôn 2 + ĐTBmôn 3) phải lớn hơn hoặc bằng 18,0 điểm;

- Với mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển, điểm mỗi học kỳ của cả 06 học kỳ phải lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

* Điểm tối thiểu các môn thi năng khiếu:

- Tổ hợp xét tuyển V00, V01, V02: Môn Vẽ mỹ thuật gồm hai bài thi Vẽ mỹ thuật 1 (MT1) và Vẽ mỹ thuật 2 (MT2); mỗi bài được chấm theo thang điểm 5.

Điểm môn Vẽ mỹ thuật được tính như sau:

$$\text{Điểm môn Vẽ mỹ thuật} = \text{Điểm MT1} + \text{Điểm MT2}.$$

- Tổ hợp xét tuyển H00, H02: Hai môn thi năng khiếu là Hình họa mỹ thuật (H1) và Bố cục trang trí màu (H2); mỗi môn được chấm theo thang điểm 10.

- Điều kiện để được tham gia xét tuyển: Thí sinh phải có điểm năng khiếu đáp ứng điều kiện sau:

+ Đối với tổ hợp xét tuyển V00, V01, V02:

$$(\text{Điểm MT1} + \text{Điểm MT2}) \times 2,0 \geq \text{Điểm tối thiểu};$$

+ Đối với Tổ hợp xét tuyển H00, H02:

$$\text{Điểm H1} + \text{Điểm H2} \geq \text{Điểm tối thiểu}.$$

Trong đó, Điểm tối thiểu phụ thuộc vào khu vực của thí sinh, được quy định như sau:

Khu vực của thí sinh	Điểm tối thiểu
Khu vực 1 (KV1)	8,00
Khu vực 2 – nông thôn (KV2-NT) Khu vực 2 (KV2)	9,00
Khu vực 3 (KV3)	10,00

d) Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Trường hợp số lượng ưu tiên xét tuyển vượt quá chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển, thì ưu tiên thí sinh có thứ hạng danh hiệu, giải thưởng, điểm chứng chỉ tiếng Anh, điểm năng khiếu cao hơn (đối với các ngành/chuyên ngành năng khiếu) hoặc có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cao hơn (đối với các ngành/chuyên ngành còn lại).

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì ưu tiên các thí sinh có điểm năng khiếu cao hơn đối với các tổ hợp V00, V01, V02, H00, H02; có điểm Toán cao hơn đối với các tổ hợp còn lại; nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn; các trường hợp khác do Chủ tịch HĐTS Trường quyết định.

e) Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với thí sinh ĐKXT theo nhóm ngành

Ngay sau khi thí sinh trúng tuyển, Hội đồng Tuyển sinh Trường sẽ tổ chức phân ngành học cho các thí sinh trúng tuyển vào nhóm ngành dựa trên các điều kiện sau: Điểm xét tuyển của thí sinh; nguyện vọng ngành học trong nhóm ngành trúng tuyển của thí sinh; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành hoặc theo quyết định của Chủ tịch HĐTS.

2.6. Tổ chức tuyển sinh

a) Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Thực hiện theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT và theo thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

b) Hồ sơ, thủ tục nộp hồ sơ ĐKDT, ĐKXT thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

c) Lịch thi các môn năng khiếu dự kiến:

- Môn Vẽ Mỹ thuật: Ngày 30/6/2025 (làm thủ tục dự thi), ngày 01/7/2025 (làm bài thi);

- Môn Hình họa mỹ thuật và môn Bố cục trang trí màu: Ngày 02/7/2025 (làm thủ tục dự thi), ngày 03/7/2025 (làm bài thi).

2.7. Chính sách ưu tiên (Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)

a) Chính sách ưu tiên theo đối tượng và ưu tiên theo khu vực trong tuyển sinh được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

b) Đối tượng được xét tuyển thẳng, đối tượng ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Phương thức tuyển sinh 4, Mục 2.2 của Thông tin tuyển sinh này.

- Chỉ tiêu tuyển thẳng không quá 2% chỉ tiêu tuyển sinh mỗi ngành/chuyên ngành.

- Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển không quá 2% chỉ tiêu tuyển sinh mỗi ngành/chuyên ngành.

- Riêng chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển từ chứng chỉ tiếng Anh của Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc không quá 50% chỉ tiêu tuyển sinh của Chương trình.

c) Một số chính sách khuyến khích người học:

- Tặng 01 suất khen thưởng cho thí sinh trúng tuyển là thủ khoa đầu vào của mỗi ngành hoặc chuyên ngành (là thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất, không kể điểm ưu tiên và điểm ưu tiên xét tuyển) đã hoàn thành thủ tục nhập học (không áp dụng đối với thí sinh trúng tuyển thẳng).

- Tặng 05 suất khen thưởng cho thí sinh trúng tuyển vào mỗi lớp Kiến trúc sư tài năng (K+) và Kỹ sư tài năng (X+) có điểm xét tuyển cao nhất (không áp dụng đối với thí sinh trúng tuyển thẳng).

- Đối với các thí sinh trúng tuyển vào các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm ngành KTA04 và đã hoàn thành thủ tục nhập học:

- + Tặng 05 suất khen thưởng cho thí sinh trúng tuyển đã hoàn thành thủ tục nhập học, có điểm xét tuyển cao (ngoài phần thưởng dành cho thủ khoa đầu vào);

- + Ưu tiên giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp.

2.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

a) Thí sinh ĐKXT bằng kết quả học tập THPT (học bạ), ĐKXT tuyển thẳng, đăng ký ưu tiên xét tuyển: 50.000đ/HS;

b) Thí sinh ĐKDT các môn năng khiếu: Khối V00, V01, V02: 500.000đ/HS; Khối H00, H02: 550.000đ/HS

2.9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

a) Nếu xảy ra tình trạng dịch bệnh, các tình huống bất khả kháng trong thời điểm tổ chức thi hoặc xét tuyển, HĐTS Trường sẽ linh hoạt chuyển sang triển khai theo hình thức trực tuyến, tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

b) Nhà trường cam kết tổ chức kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro có thể xảy ra do những quy định trong đề án tuyển sinh của Trường hoặc do quá trình xét tuyển chung trên hệ thống để đảm bảo quyền lợi của thí sinh, tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2.10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Thể hiện trong bảng sau:

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023				Năm tuyển sinh 2024				Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành		Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	
1	KTA01	7580101	Nhóm ngành 1	Kiến trúc	75801	Kiến trúc và quy hoạch	7580101	- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Các tổ hợp xét tuyển: V00: Toán; Vật lý; Vẽ mỹ thuật; V01: Toán; Ngữ văn; Vẽ mỹ thuật; V02: Toán; Anh văn; Vẽ mỹ thuật; (Điểm môn Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2.0).	500	432	28.80	40	570	416	30.20	40	
2		7580105		Quy hoạch vùng và đô thị			7580105			86	28.00	40		112	29.50	40	
3		7580105_1		Thiết kế đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Quy hoạch vùng và đô thị)			7580105_1			36	27.65	40		45	29.23	40	
4	KTA02	7580102	Nhóm ngành 2	Kiến trúc cảnh quan	75801	Kiến trúc và quy hoạch	7580102	- Xét tuyển thẳng.	100	56	26.70	40	125	57	28.78	40	
5		7580101_1		Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc			7580101_1			59	26.23	40		108	27.80	40	
6	KTA03	7580108	Nhóm ngành 3	Thiết kế nội thất	75801	Kiến trúc và quy hoạch	7580108	- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Các tổ hợp xét tuyển: H00: Ngữ văn; Hình họa mỹ thuật; Bỏ cục trang trí màu; H02: Toán; Hình họa mỹ thuật; Bỏ cục trang trí màu. - Xét tuyển thẳng.	250	298	23.00	30	270	263	23.48	30	Năm 2024 xét tuyển theo đơn ngành
7		7210105	Nhóm ngành 3	Điêu khắc	72101	Mỹ thuật	7210105			16	23.00	30	130 (gồm cả CT ngành Thiết kế TT)	27	23.23	30	Năm 2024 cùng nhóm với ngành Thiết kế thời trang

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023				Năm tuyển sinh 2024				Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành		Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	
8	KTA04	7580205	Nhóm ngành 4	Kỹ thuật cấp thoát nước	75802	Xây dựng	7580205	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT; các tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07 . - Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn - Xét tuyển thẳng.	30	28	21.45	30	40	49	21.15	30	Điểm trúng tuyển chỉ thể hiện đối với hình thức Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT
9		7580210		Kỹ thuật hạ tầng đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)			7580210		30	99	21.45	30	80	78	21.15	30	
10		7580210_1		Kỹ thuật môi trường đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật CS hạ tầng)			7580210_1		30	18	21.45	30	40	43	21.15	30	
11		7580210_2		Công nghệ cơ điện công trình (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)			7580210_2		30	35	21.45	30	40	40	21.15	30	
12		7580205		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông			7580205		30	27	21.45	30	40	27	21.15	30	
13	-	7210403	-	Thiết kế đồ họa	72104	Mỹ thuật ứng dụng	7210403	- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Các tổ hợp xét tuyển: H00: Ngữ văn; Hình họa mỹ thuật; Bỏ cục trang trí màu; H02: Toán; Hình họa mỹ thuật; Bỏ cục trang trí màu. - Xét tuyển thẳng.	150	201	24.00	30	175	189	24.20	30	Năm 2024 thuộc nhóm KTA03
14	-	7210404		Thiết kế thời trang			7210404		80	94	22.99	30	130 (gồm cả CT ngành Điện khác)	88	23.25	30	

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023				Năm tuyển sinh 2024				Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành/ chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành		Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	
15	-	7580201	-	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng)	75802	Xây dựng	7580201	- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT; các tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07. (Năm 2023 không áp dụng phương thức này với chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp) - Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT. Các tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn - Xét tuyển thẳng.	200	204	20.10	30	200	203	21.85	30	Điểm trúng tuyển chỉ thể hiện đối với hình thức Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT
16	-	7580201_1	-	Xây dựng công trình ngầm đô thị (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng)			7580201_1		50	40	21.30	30	50	41	22.55	30	
17	-	7580201_2	-	Quản lý dự án xây dựng (Chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng)			7580201_2		100	128	22.50	30	170	188	22.10	30	
18	-	7510105	-	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	75101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	7510105	- Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT bằng các tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn - Xét tuyển thẳng.	50	39	21.75	30	50	56	22.10	30	
19	-	7580302	-	Quản lý xây dựng	75803	Quản lý xây dựng	7580302		100	102	21.75	30	130	143	22.15	30	
20	-	7580302_1	-	Quản lý bất động sản (Chuyên ngành thuộc ngành Quản lý xây dựng)			7580302_1		50	52	21.95	30	50	34	23.14	30	

TT	Mã xét tuyển		Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã, tên nhóm ngành, ngành (Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)			Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023				Năm tuyển sinh 2024				Ghi chú
	Mã nhóm ngành	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình	Tên nhóm ngành	Tên ngành/nhóm ngành/chương trình	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Mã ngành		Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	Chi tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Thang điểm	
21	-	7580302_2	-	Quản lý vận tải và Logistics (Chuyên ngành thuộc ngành Quản lý xây dựng)	75803	Quản lý xây dựng	7580302_2	- Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT bằng các tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn	50	59	23.93	30	50	45	24.63	30	
22	-	7580302_3	-	Kinh tế phát triển (Chuyên ngành thuộc ngành Quản lý xây dựng)			7580302_3		50	54	22.35	30	50	35	23.40	30	
23	-	7580301	-	Kinh tế Xây dựng			7580301		100	111	22.90	30	130	141	23.60	30	
24	-	7580301_1	-	Kinh tế đầu tư (Chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế Xây dựng)			7580301_1		50	57	22.80	30	50	52	23.56	30	
25	-	7480201	-	Công nghệ thông tin	74802	Công nghệ thông tin	7480201	- Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT bằng các tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn - Xét tuyển thẳng.	200	198	23.56	30	200	201	23.8	30	
26	-	7480201_1	-	Công nghệ đa phương tiện (Chuyên ngành thuộc ngành Công nghệ thông tin)			7480201_1		50	92	24.75	30	100	102	24.73	30	
27	Chương trình liên kết quốc tế			Cử nhân Kiến trúc Pháp				Xét kết hợp hồ sơ và phỏng vấn trực tiếp					25	13			
28				Kiến trúc Nội thất								25	12				
Tổng									2.280	2.621			2790	2808			

Cán bộ tuyển sinh

(Đã ký)

ThS. Vũ Hồng Dương

ĐT: 0985508828

Email: vuhongduong@hau.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS.KTS. Lê Quân